TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 29 - 9 – 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà; bà Ngô Thị Ân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 56/2022/QĐST - HNGĐ ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Khu 4, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Quách Văn N; sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn Q, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị L và anh N (Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Quách Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh B. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được khoảng 15 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuẫn, cãi vã vì tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến nay, chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Quách Thu H, sinh ngày: 12/11/2005. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N số tiền 1.000.000 đồng/ tháng (Một triệu đồng một tháng) đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Quách Văn N để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Quách Văn N. Về con chung: Giao cháu Quách Thu H, sinh ngày: 12/11/2005 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, Chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N số tiền 1.000.000 đồng/ tháng (Một triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 9/2022 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí về việc ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Quách Văn N. Anh N cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh N và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ cho anh N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh N đã được triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng đều vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Anh N cũng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên Tòa chị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Quách Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Sơn Thành, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và bất đồng quan điểm sống, vợ, chồng đã sống ly thân. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh N không hợp tác và cố tình vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải thể hiện anh N không có thiện trí để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ chị L và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là cháu Quách Thu H, sinh ngày: 12/11/2005. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N số tiền 1.000.000 đồng/ tháng (Một triệu đồng một tháng) cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi. Nguyện vọng của cháu H khi bố, mẹ ly hôn muốn được ở với Bố. Từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu H ở cùng bố tại thôn Q, xã Thành Tâm. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Quách Thu H cho anh Quách Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 09/2022 cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Quách Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Thu H, sinh ngày: 12/11/2005 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N số tiền 1.000.000 đồng/ tháng (Một triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 9/2022 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0007683 ngày 05/7/2022. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Quách Văn N. Chị L và anh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Sơn Thành, huyện Nho Quan Tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Trần Thị Dần **Lưu Đình Tâm** **Bùi Văn Tuấn**